

Bài 15: CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP

(1 tiết)

I. Mục tiêu

1. Yêu cầu cần đạt

Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.

2. Năng lực

- Nhận thức khoa học địa lí: Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.

- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ để trình bày sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp.

- Giao tiếp và hợp tác: Thảo luận để giải thích nguyên nhân chuyển dịch cơ cấu công nghiệp.

3. Phẩm chất

Có ý thức tự học, tự tìm hiểu vấn đề

II. Thiết bị và học liệu

1. **GV:** SGK Địa lí 12, Kết nối tri thức với cuộc sống, bảng số liệu, biểu đồ về cơ cấu công nghiệp nước ta.

2. **HS:** SGK Địa lí 12, Kết nối tri thức với cuộc sống

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) *Mục tiêu:* Khởi gợi hứng thú và định hướng HS học bài mới.

b) *Tổ chức thực hiện*

- GV nêu vấn đề: Cơ cấu công nghiệp là sự sắp xếp, bố trí các hoạt động theo ngành, theo lãnh thổ hoặc theo thành phần nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao, phát triển bền vững theo định hướng của đất nước. Vậy cơ cấu công nghiệp nước ta đang có sự chuyển dịch như thế nào?

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

Nội dung: Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.

a) *Mục tiêu:* Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.

b) *Tổ chức thực hiện*

Sử dụng kĩ thuật mảnh ghép.

- GV giao nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, thực hiện:

+ Vòng 1 (nhóm chuyên gia):

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo thành phần.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ.

Mỗi HS có sản phẩm cá nhân, có thể dạng bảng hoặc bài viết vào vở.

+ Vòng 2 (nhóm mảnh ghép): Giải thích tại sao công nghiệp có sự chuyển dịch như vậy?

- HS làm việc theo nhóm.

- Nhóm mảnh ghép trình bày sự chuyển dịch và nguyên nhân tại sao phải chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp. Các nhóm khác tự bổ sung vào vở ghi và góp ý cho nhóm bạn.

- GV nhận xét, đánh giá.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức đã học trong bài.

b) *Tổ chức thực hiện*

- GV yêu cầu HS tổng hợp kiến thức, điền vào bảng thông tin sau:

Cơ cấu công nghiệp	Hướng chuyển dịch	Nguyên nhân
Cơ cấu theo ngành		
Cơ cấu theo thành phần		
Cơ cấu theo lãnh thổ		

- HS làm việc cá nhân, tự điền bảng thông tin

- Một vài HS đọc thông tin đã điền được.

- GV nhận xét, đánh giá

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học, giải quyết 1 vấn đề trong thực tiễn.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV yêu cầu HS về nhà, tìm hiểu sự thay đổi trong sản xuất công nghiệp tại địa phương. GV gợi ý HS tìm dữ liệu, thông tin. Sản phẩm của HS được GV nhận xét, góp ý vào buổi học sau.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta hiện nay và đang có sự chuyển dịch. Tỷ trọng nhóm ngành khai khoáng có xu hướng..... và nhóm ngành chế biến, chế tạo có xu hướng Nội bộ nhóm ngành chuyển dịch theo hướng hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến. Tỷ trọng các ngành sử dụng nhiều lao động và tỷ trọng các ngành công nghiệp cao Công nghiệp hỗ trợ hình thành và phát triển, góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hoá trong các ngành công nghiệp.

Bài 16: MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

(2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Yêu cầu cần đạt

Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành: Khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giày dép thông qua atlas địa lí Việt Nam, bảng số liệu, tư liệu,...

2. Năng lực

- Nhận thức khoa học địa lí: Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp nước ta.
- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng atlas địa lí Việt Nam, bảng số liệu, tư liệu,... để trình bày đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp nước ta.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống có vấn đề được GV đặt ra.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm góp phần phát triển các hoạt động sản xuất công nghiệp của đất nước.

II. Thiết bị và học liệu

1. GV: SGK Địa lí 12, Kết nối tri thức với cuộc sống, bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ về các ngành công nghiệp nước ta. Học liệu để HS hoàn thành sản phẩm (giấy A0, bút dạ,...)

2. HS: SGK Địa lí 12, Kết nối tri thức với cuộc sống

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) *Mục tiêu:* Khơi gợi hứng thú và định hướng HS học bài mới.

b) *Tổ chức thực hiện*

- GV nêu tình huống có vấn đề: Kinh tế nước ta phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Có ý kiến cho rằng “Ngành công nghiệp là động lực chính trong tăng trưởng kinh tế nước ta”. Em có đồng ý với nhận định đó không?

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

Sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, kĩ thuật phòng tranh khi báo cáo sản phẩm làm việc nhóm.

Tiết 1: GV giao nhiệm vụ, chia nhóm, hướng dẫn HS làm việc trên lớp, giải quyết vấn đề.

Tiết 2: HS làm việc trên lớp, hoàn thành sản phẩm.

Tiết 3: Các nhóm báo cáo. GV nhận xét, đánh giá.

- GV giao nhiệm vụ:

GV chia lớp thành 7 nhóm, số lượng và trình độ HS của mỗi nhóm là tương đương. Mỗi nhóm tìm hiểu 1 ngành công nghiệp (như SGK) để đưa ra ý kiến về nhận định “Ngành công nghiệp là động lực chính trong tăng trưởng kinh tế nước ta”.

Hình thức sản phẩm HS tự chọn, có thể là bài thuyết trình, poster,...

- HS thực hiện nhiệm vụ: Từng HS xác định vấn đề cần giải quyết. Cả nhóm thảo luận, thống nhất cách tìm thông tin và giải quyết vấn đề.

- Báo cáo sản phẩm: Các nhóm trưng bày sản phẩm. Tất cả HS đi “tham quan”, đọc thông tin trong các sản phẩm và điền vào phiếu học tập (Phụ lục 1). HS đặt câu hỏi cho các nhóm để hiểu rõ hơn cách giải quyết vấn đề.

- Tổng kết, đánh giá. HS dựa vào thông tin thu thập đc từ các nhóm, đưa ra quyết định; có phải “Ngành công nghiệp là động lực chính trong tăng trưởng kinh tế nước ta”?

GV kết luận: khẳng định nhận định trên là đúng.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ học tập.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, lập bảng tóm tắt tình hình phát triển và phân bố của 6 ngành công nghiệp đã học

- HS làm việc cá nhân, viết vào vở.

- Các HS lập thành nhóm, trao đổi và tự sửa chữa bài.

- GV kết luận

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu về ngành công nghiệp tại địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

GV gợi ý HS tìm hiểu về một ngành công nghiệp tại địa phương. HS làm bài ở nhà. GV nhận xét, góp ý ở buổi học sau hoặc ở bài Địa lí địa phương.

(Phụ lục 1) PHIẾU HỌC TẬP

Học sinh: Lớp:

1. Sự phát triển của ngành công nghiệp:

- Vai trò:

.....
.....
.....

- Hiện trạng phát triển:

.....
.....
.....
.....

- Phân bố:

.....

.....
.....
2. Câu hỏi:
.....
.....
.....

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Dựa vào hình 16.1. Bản đồ phân bố một số ngành công nghiệp Việt Nam năm 2021, nhận xét sự phân bố các ngành công nghiệp đã học.

.....

Bài 17 TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP (1 tiết)

I. Mục tiêu

1. Yêu cầu cần đạt

Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm công nghiệp

2. Năng lực

- Nhận thức khoa học địa lí: Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam.

- Tự chủ và tự học: Tìm hiểu và đưa ra quyết định trong tình huống học tập.

3. Phẩm chất

Có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn các cơ sở công nghiệp tại địa phương.

II. Thiết bị và học liệu

1. **GV:** SGK Địa lí 12, Kết nối tri thức với cuộc sống.

2. **HS:** SGK Địa lí 12, Kết nối tri thức với cuộc sống, Tư liệu học tập tự chuẩn bị.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) *Mục tiêu:* Khởi gợi hứng thú và định hướng HS học bài mới.

b) *Tổ chức thực hiện*

- GV mô tả 1 khu công nghiệp: có ranh giới bao quanh, có hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hỗ trợ sản xuất công nghiệp,... Cách tổ chức sản xuất công nghiệp như vậy có ưu thế gì trong phát triển công nghiệp? Ngoài ra còn có cách tổ chức nào khác không?

- HS trả lời. Từ câu trả lời của HS, GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

a) *Mục tiêu*

Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm công nghiệp

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ

+ HS chuẩn bị bài học từ tiết trước. HS ở nhà tìm hiểu về 3 hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm công nghiệp.

+ Tiết học trên lớp, HS thảo luận cả lớp.

GV nêu chủ đề thảo luận: “*Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta đã phát huy hiệu quả điều kiện sản xuất và mang lại hiệu quả kinh tế cao*”. Em có đồng ý với nhận định trên không?

- Tiến hành thảo luận:

HS nêu ý kiến của mình về chủ đề thảo luận, có dẫn chứng cụ thể chứng minh cho ý kiến của HS.

GV điều hành thảo luận, đảm bảo tất cả HS đều phải nêu ý kiến. GV không tham gia, không giảng giải nhưng phải can thiệp các tranh luận quá mức.

- Tổng kết đánh giá: GV khẳng định nhận định đưa ra chính xác 1 phần. Hình thức khu công nghiệp đạt hiệu quả cao; các trung tâm công nghiệp là hạt nhân phát triển của địa phương nhưng khu công nghệ cao chưa phát huy hiệu quả như mong muốn.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ học tập mới

b) Tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, lập bảng so sánh các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đã học.

HS tự làm bài vào vở.

GV đưa ra đáp án, HS tự chữa bài.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

GV giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu một hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp tại địa phương. HS làm bài và nộp cho GV vào buổi học sau.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Đọc đoạn văn bản, xác định Đúng/ Sai cho các nhận định sau và sửa lại các nhận định sai.

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lí xác định, chuyên thực hiện sản xuất hàng công nghiệp hoặc dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp. Khu công nghệ cao là nơi tập trung, liên kết hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao. Trung tâm công nghiệp là khu vực tập trung công

ngành, thường gắn với các đô thị lớn và vừa, có thể gồm một số khu công nghiệp, thường chuyên môn hoá một số ngành và là hạt nhân phát triển vùng và địa phương.

Nhận định	Đúng/Sai
Hoà Lạc là khu công nghệ cao vì sản phẩm chính là điện thoại thông minh 5G, ra-đa cảnh giới biển ứng dụng công nghệ 4G, 5G, cấu kiện động cơ máy bay,...	
Quảng Ninh là trung tâm công nghiệp lớn với sản phẩm đa dạng.	
Các khu công nghiệp phân bố không đều trên lãnh thổ do lợi thế về vị trí địa lí, điều kiện, trình độ phát triển sản xuất khác nhau giữa các vùng.	
Khu công nghiệp ở Đông Nam Bộ tập trung phát triển, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ cao.	

.....

Bài 18. THỰC HÀNH: VẼ BIỂU ĐỒ, NHẬN XÉT VÀ GIẢI THÍCH TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP (1 tiết)

I. Mục tiêu

1. Yêu cầu cần đạt

Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.

2. Năng lực

- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ để nhận xét, giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.
- Tự chủ và tự học: Xử lí số liệu, vẽ biểu đồ theo yêu cầu bài học.

3. Phẩm chất

Tìm tòi, học hỏi, rèn luyện các kĩ năng địa lí.

II. Thiết bị và học liệu

1. **GV:** SGK Địa lí 12, Kết nối tri thức với cuộc sống.
2. **HS:** SGK Địa lí 12, Kết nối tri thức với cuộc sống.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) *Mục tiêu:* Khơi gợi hứng thú và định hướng HS học bài mới.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV nêu tình huống: Em là 1 nhà báo, có bài viết về tình hình phát triển ngành công nghiệp nước ta. Biên tập yêu cầu em bổ sung vào bài báo của mình:

- + Biểu đồ về giá trị sản xuất ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 2010 - 2021.
- + Đoạn văn nhận xét sự thay đổi cơ cấu nguồn điện nước ta theo biểu đồ đã có trong bài báo.

Em hãy thực hiện 2 yêu cầu này để bổ sung cho bài báo của mình.

2. Hoạt động 2: Hoạt động thực hành

a) Mục tiêu

Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện

Sử dụng phương pháp tình huống

- GV hướng dẫn HS thực hiện 2 yêu cầu trong SGK. Nội dung đảm bảo chính xác, đầy đủ. Hình thức thể hiện sáng tạo theo ý tưởng là một phần của bài báo.

- HS tự làm bài ra giấy.

- Một HS lên trình bày bài làm của mình. Các HS khác nhận xét, góp ý.

- GV tổng kết, đánh giá: Duyệt cho đăng bài của những HS làm tốt. Yêu cầu làm lại với những HS làm chưa tốt.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Sử dụng kỹ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ học tập mới

b) Tổ chức thực hiện

GV đặt câu hỏi: Cách nhận xét sự thay đổi giá trị sản xuất và nhận xét sự thay đổi cơ cấu có gì khác nhau?

HS trả lời.

GV nhận xét, tổng kết.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

GV giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu các dạng biểu đồ có thể dùng để thể hiện giá trị sản xuất hoặc thể hiện cơ cấu.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

GV có thể giao thêm bài thực hành cho những HS chưa thành thạo kỹ năng nhận xét bảng số liệu hoặc vẽ biểu đồ.

.....

BÀI 19: VAI TRÒ, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

(1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Khái quát được vai trò của các ngành dịch vụ

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ

2. Năng lực

Nhận thức khoa học địa lí: HS phân tích được mối quan hệ giữa các nhân tố đối với sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.

3. Phẩm chất

Đồng tình, ủng hộ các giải pháp phát triển các hoạt động dịch vụ ở nước ta.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

1. GV: Tranh ảnh liên quan đến ngành dịch vụ

Giấy A0, bút dạ, bút màu

2. HS: SGK Địa lí 12, KNTT với CS

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu: Gợi mở nội dung bài học mới. Khơi gợi hứng thú học tập cho HS.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức trò chơi “Ong tìm chữ”.
- HS tìm theo hàng ngang, dọc các từ chỉ hoạt động dịch vụ.
- HS nào tìm ra đúng và nhanh nhất sẽ là người chiến thắng và giành phần thưởng.
- GV từ các từ chỉ hoạt động dịch vụ được tìm thấy dẫn dắt vào bài

D	U	L	I	C	H	B	C	V	H	N
A	S	E	M	K	L	P	O	V	D	O
A	C	V	X	G	H	R	Y	U	L	I
E	R	T	G	H	B	N	M	L	P	T
H	Y	T	R	D	E	T	U	O	X	H
K	H	L	X	U	A	T	K	H	A	U
M	N	H	G	D	S	A	R	C	S	O
K	N	H	T	Y	R	C	U	K	M	N
T	R	G	I	A	O	T	H	O	N	G

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu vai trò của các ngành dịch vụ

a) Mục tiêu: Nêu được khái quát vai trò của các ngành dịch vụ ở nước ta.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:
 - + Nhắc lại các hoạt động dịch vụ đã học ở lớp 10.
 - + Bằng hiểu biết thực tế của mình, liệt kê các vai trò của ngành dịch vụ.
- HS làm việc cá nhân, viết hoặc nói các hoạt động dịch vụ và vai trò.
- Một số HS trình bày. Các HS khác bổ sung.
- GV tổng hợp, nhận xét và đánh giá.

1. Vai trò các ngành dịch vụ

- Hoạt động dịch vụ rất đa dạng, gồm 3 nhóm:

Dịch vụ kinh doanh: tài chính ngân hàng, giao thông vận tải, buôn bán trong nước, xuất nhập khẩu,...

Dịch vụ tiêu dùng: y tế, giáo dục, du lịch, bưu chính,...

Dịch vụ công: hành chính công, thủ tục hành chính.

- Dịch vụ có vai trò khá toàn diện:

Đối với kinh tế: đóng góp vào GDP, nâng cao trình độ sản xuất, đổi mới, hiện đại hoá nền kinh tế,...

Đối với xã hội: tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, hỗ trợ xoá đói giảm nghèo,...

Đối với môi trường, tài nguyên: sử dụng hợp lí tài nguyên, đóng góp vào việc bảo vệ môi trường,...

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ

a) Mục tiêu:

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ

b) Tổ chức thực hiện:

- GV đưa ra tình huống có vấn đề “*Để phát triển ngành dịch vụ, điều quan trọng nhất là có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại trên cả nước*”. Em có đồng ý với nhận định trên không? Vì sao?

GV gợi ý HS phân tích vai trò của các nhân tố tới từng hoạt động dịch vụ: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch. Sau đó, HS tổng hợp lại thành ảnh hưởng chung của ngành dịch vụ.

- HS làm việc theo nhóm: liệt kê các nhân tố ảnh hưởng, phân tích vai trò của từng nhân tố và xác định nhân tố quan trọng nhất.

- Các nhóm HS nêu ý kiến. Có thể thảo luận cả lớp nếu các ý kiến khác nhau.

- GV nhận xét, đánh giá.

2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

- Trình độ phát triển kinh tế: quyết định tốc độ tăng trưởng, trình độ, cơ cấu các ngành dịch vụ.

- Dân cư, nguồn lao động: tạo động lực phát triển ngành dịch vụ: là thị trường tiêu thụ, cung cấp lao động.

- Thị trường: thúc đẩy dịch vụ phát triển: nâng cao chất lượng, mở rộng loại hình.

- Cơ sở vật chất kĩ thuật, khoa học công nghệ: thay đổi toàn diện các ngành dịch vụ: nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế, chuyển đổi số, phát triển bền vững,...

- Chính sách: định hướng, tạo cơ hội phát triển các ngành dịch vụ.

- Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên: tạo tiền đề cho dịch vụ phát triển.

Khó khăn: địa hình chia cắt mạnh, biến đổi khí hậu và các thiên tai gây nhiều khó khăn cho các hoạt động giao thông, thương mại, du lịch.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) *Mục tiêu:* Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện tình huống học tập.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, lựa chọn 1 hình thức phù hợp để hệ thống hoá các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ.
- HS làm việc cá nhân, vẽ sơ đồ thích hợp hoặc lập bảng,... để thể hiện vai trò các nhân tố ảnh hưởng đến ngành dịch vụ. Có thể làm theo nhóm, viết, vẽ trên giấy A0 và trình bày trước lớp.
- HS trao đổi bài, góp ý cho nhau.
- GV nhận xét, tổng kết.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) *Mục tiêu:* Liên hệ được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ phần vận dụng trong SGK ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.
- HS thu thập thông tin, tự chọn hình thức trình bày và trình bày trước lớp vào buổi học sau.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1: Xác định Đúng/Sai cho các nhận định sau để về vai trò của các ngành dịch vụ:

Stt	Nhận định	Đúng/Sai
1	Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.	
2	Nâng cao trình độ sản xuất trong nước, tăng cường hội nhập quốc tế.	
3	Cung cấp sản phẩm cho tiêu dùng và sản xuất	
4	Bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu	
5	Đẩy nhanh đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các mô hình kinh tế số	
6	Góp phần nâng cao năng suất lao động và hình thành xã hội số	

Câu 2: Điền từ vào chỗ trống thể hiện ảnh hưởng của các nhân tố đến sự phát triển các ngành dịch vụ.

1. làm gia tăng nhu cầu sử dụng các hoạt động dịch vụ như giao thông, thương mại, bưu chính viễn thông.
2. tạo nên thị trường lớn, đa dạng, thúc đẩy mở rộng nhiều loại hình dịch vụ.
3. nâng cao chất lượng và phát triển các loại hình dịch vụ hiện đại như giao thông thông minh, truyền thông số, thương mại điện tử,...

4. có vai trò định hướng và tạo điều kiện thuận lợi để ngành dịch vụ mở rộng thị trường, hợp tác quốc tế.
5. tạo tiền đề để phát triển các ngành dịch vụ: du lịch sinh thái, xây dựng cảng biển, giao thông đường sông,...
-

BÀI 20: GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG **(2 TIẾT)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông ở Việt Nam.
- Vẽ được biểu đồ và sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.

2. Năng lực

- Nhận thức khoa học địa lí: trình bày được đặc trưng về sự phát triển và phân bố giao thông vận tải, bưu chính viễn thông ở Việt Nam.
- Tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.

3. Phẩm chất

Tôn trọng các giá trị, thành tựu phát triển của đất nước.
Có hành động thiết thực góp phần phát triển các hoạt động dịch vụ.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

1. GV: Báo cáo tổng kết hàng năm của ngành giao thông vận tải, hoặc logistics và bưu chính viễn thông.

Bảng số liệu theo niên giám thống kê, bản đồ liên quan đến các ngành dịch vụ (giao thông vận tải, bưu chính viễn thông).

Tranh ảnh, hình vẽ, thông tin trên internet có liên quan đến bài học.

2. HS: SGK Địa lí 12, KNTT với CS

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) *Mục tiêu:* Gợi mở nội dung bài học mới. Khởi gợi hứng thú học tập cho HS.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV sử dụng hình ảnh, thông tin về giao thông vận tải, bưu chính viễn thông ở nước ta và yêu cầu HS nêu những ấn tượng của em khi xem các bức ảnh trên.
- HS quan sát hình ảnh hoặc đọc thông tin.

- Một số HS trả lời.

- GV dẫn dắt vào bài: *Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông vừa thuộc kết cấu hạ tầng, vừa là các ngành dịch vụ có hiệu quả kinh tế cao. Vậy, ở nước ta giao thông vận tải, bưu chính viễn thông đang phát triển như thế nào?*

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu ngành giao thông vận tải

a) Mục tiêu:

Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc cá nhân, tìm hiểu sự phát triển và phân bố một loại hình giao thông vận tải mà em quan tâm. HS khai thác thông tin kết hợp từ kênh chữ, bảng số liệu và bản đồ trong SGK.

+ HS làm việc theo nhóm, điền thông tin vào bảng sau. Mỗi nhóm có đầy đủ các loại hình giao thông mà HS đã tìm hiểu.

Loại hình giao thông	Thành tựu	Hạn chế	Phân bố/mạng lưới

- HS làm việc cá nhân, tìm hiểu sự phát triển và phân bố một loại hình giao thông và viết ra vở. HS làm việc nhóm, trình bày cho các bạn trong nhóm thông tin tìm hiểu được. Cả nhóm thảo luận về những đặc trưng của từng loại hình giao thông và điền thông tin vào bảng.

- Các nhóm HS trao đổi bảng thông tin với nhau và cùng hoàn thiện sản phẩm.

- GV đưa ra bảng thông tin đáp án để HS bổ sung, sửa chữa nếu cần. GV tổng hợp, nhận xét và đánh giá.

Bảng 1: Sự phát triển và phân bố các loại hình giao thông vận tải nước ta

Loại hình giao thông	Thành tựu	Hạn chế	Phân bố/mạng lưới
Đường ô tô	- Phát triển nhanh, hiện đại, đảm bảo kết nối các vùng, miền. - Chất lượng đường, phương tiện tăng. Nhiều tuyến cao tốc được xây dựng. - Dịch vụ vận tải đa dạng: vận tải đa phương thức, vận tải xuyên biên giới,...	Tỉ lệ đường nhỏ hẹp, mặt đường chưa rải nhựa còn cao	Mạng lưới thông suốt toàn lãnh thổ. - Trục xương sống là các tuyến bắc - nam - Ở phía bắc, phía nam, các tuyến quốc lộ tạo thành mạng lưới hình nan quạt. Ở miền trung, các tuyến đường ngang

	- Khối lượng hàng hoá vận chuyển cao nhất trong cơ cấu vận tải nước ta		kết nối với trục bắc nam. - Các tuyến đường cao tốc, xuyên Á
Đường sắt	- Vận chuyển hàng hoá - Đang được hiện đại hoá, mở rộng dịch vụ. - Phát triển đường sắt đô thị.	Khả năng cạnh tranh kém. Tốc độ chạy tàu chậm, khổ đường ray không đồng bộ, năng lực vận chuyển và kết nối quốc tế hạn chế	- 7 tuyến chính. Tuyến dài và quan trọng nhất là tuyến bắc nam (Thống Nhất). Sáu tuyến khác tập trung ở phía bắc.
Đường sông	Dịch vụ đa dạng: trung chuyển hàng hóa nội địa, kết nối với các cảng biển, hỗ trợ tàu biển, vận chuyển công-te-nơ,...	- Kết nối với đường bộ và đường biển chưa thuận lợi, quy mô cảng, bến thủy nội địa còn hạn chế	- Phát triển nhất trên các hệ thống sông Đồng Nai, Cửu Long, Hồng, Thái Bình. - Các tuyến vận tải liên vùng có lưu lượng lớn.
Đường biển	- Trung chuyển quốc tế, vận chuyển hàng hoá cho các khu công nghiệp, liên hợp luyện kim, lọc hoá dầu, ... - Tăng cường tàu lớn, tàu chuyên dùng và vận tải công-te-nơ.	Hạ tầng cảng chưa đón được các tàu trọng tải lớn, việc mở rộng cảng gặp nhiều khó khăn.	- 34 cảng biển, trong đó 2 cảng loại đặc biệt. - Nhiều tuyến tàu xa đi châu Mỹ, châu Âu và châu Phi.
Đường hàng không	- Tốc độ tăng rất nhanh - Năng lực vận chuyển nâng cao và mạng lưới đường bay mở rộng	- Vận chuyển hàng hoá còn hạn chế	- 22 cảng hàng không (9 cảng quốc tế). Ba đầu mối chính là Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất. - Nhiều chuyến bay thẳng đi Bắc Mỹ, châu Âu.

Đường ống	Vận chuyển xăng dầu và khí, phục vụ công nghiệp khai thác, xử lý, sản xuất dầu khí	Mạng lưới đường còn hạn chế.	Một số tuyến chính: tuyến vận chuyển xăng dầu từ Bãi Cháy - Hạ Long tới các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng, đường ống dẫn khí Cà Mau, Phú Mỹ,...
-----------	--	------------------------------	---

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu ngành bưu chính viễn thông

a) Mục tiêu:

Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành bưu chính viễn thông ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

+ Từ tiết học trước: HS chuẩn bị báo cáo về hoạt động của ngành bưu chính viễn thông nước ta, giai đoạn 2010-2021 (lựa chọn tìm hiểu ngành bưu chính hoặc viễn thông). Yêu cầu mỗi HS có sản phẩm riêng.

+ Trên lớp: Tình huống: Em tham gia cuộc họp tổng kết hoạt động của ngành bưu chính viễn thông nước ta, giai đoạn 2010-2021. Hãy trình bày những nội dung chính trong báo cáo của em.

GV cử 2 hoặc 3 HS làm thư kí, ghi tóm tắt các báo cáo.

- HS thực hiện tình huống: tự chọn cách trình bày nội dung (power point, sơ đồ, infographic,...) và hình thức báo cáo (thuyết trình, vẽ lên bảng,...).

- Đại diện HS trình bày báo cáo. Các HS khác đặt câu hỏi phản biện hoặc nêu ý kiến hoặc bổ sung, góp ý. HS làm thư kí tổng kết các báo cáo. HS tập hợp các báo cáo thành tài liệu học tập.

- GV đánh giá, tổng kết.

2. Bưu chính viễn thông

- Bưu chính viễn thông phát triển theo hướng hiện đại hoá và tăng hiệu quả kinh tế.

- Doanh thu bưu chính, viễn thông tăng nhanh, liên tục, thuê bao di động và internet tăng lên.

- Dịch vụ bưu chính viễn thông ngày càng đa dạng, chuyển sang dịch vụ số và kết nối với thế giới.

- Mạng lưới hiện đại, phát triển nhanh, phủ khắp cả nước. Nước ta đã hình thành 2 trung tâm bưu chính viễn thông: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện 1 trong các yêu cầu sau:
- + Xác định trên bản đồ hình 20 một số tuyến đường ô tô, đường sắt, cảng biển và cảng hàng không chính của nước ta.
- + Dựa vào bảng số liệu 20.2, vẽ biểu đồ thể hiện doanh thu dịch vụ bưu chính, viễn thông và số thuê bao internet băng rộng cố định của nước ta giai đoạn 2010-2021.
- HS làm việc cá nhân.
- HS trình bày kết quả, tự chữa trong nhóm theo từng bàn.
- GV nhận xét, tổng kết.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) *Mục tiêu:* Liên hệ được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.
- HS thu thập thông tin, tự chọn hình thức trình bày và trình bày trước lớp vào buổi học sau.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1: Nhận định nào sau đây KHÔNG đúng về sự phát triển ngành giao thông vận tải ở nước ta?

- A. Các loại hình giao thông đều phát triển nhanh.
- B. Mạng lưới rộng khắp cả nước và kết nối quốc tế.
- C. Nước ta có đầy đủ các loại hình giao thông vận tải.
- D. Dịch vụ vận tải ngày càng đa dạng, chất lượng nâng lên.

Câu 2: Căn cứ vào bảng 20.1, Khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta giai đoạn 2010-2021, SGK trang 84, hoàn thiện các nhận định sau:

1. Khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta giai đoạn 2010-2021
2. Loại hình có khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn nhất và tăng nhanh nhất là
3. Tốc độ tăng khối lượng hàng hoá vận chuyển của đường ô tô năm 2021 so với năm 2010 là
4. Nguyên nhân làm cho khối lượng hàng hoá vận chuyển của đường hàng không năm 2021 sụt giảm so với năm trước là

BÀI 21: THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

(2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành thương mại, du lịch ở Việt Nam.
- Phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững.
- Vẽ được biểu đồ và sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến thương mại và du lịch.

2. Năng lực

- Nhận thức khoa học địa lí: phân tích đặc trưng phát triển và phân bố ngành thương mại, du lịch ở Việt Nam
- Tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến thương mại và du lịch.

3. Phẩm chất

Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

1. GV: Báo cáo tổng kết hàng năm của ngành thương mại và du lịch.

Bảng số liệu theo niên giám thống kê, bản đồ liên quan đến thương mại và du lịch
Tranh ảnh, hình vẽ, thông tin trên internet có liên quan đến bài học.

2. HS: SGK Địa lí 12, KNTT với CS

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) *Mục tiêu:* Gợi mở nội dung bài học mới. Khởi gợi hứng thú học tập cho HS.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV đặt một số câu hỏi gợi mở nội dung bài học:

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, những ngành dịch vụ nào bị thiệt hại nặng nề nhất?

Các ngành đó đã phát triển như thế nào để thích ứng với bối cảnh trong nước và thế giới nhiều biến động?

- HS trả lời theo hiểu biết của bản thân.

- GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu hoạt động nội thương

a) *Mục tiêu:* Trình bày được sự phát triển và phân bố nội thương ở Việt Nam.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- HS làm việc theo cặp, trao đổi thông tin và viết bài.
- HS trình bày trước lớp. Các cặp HS khác bổ sung, góp ý.
- GV tổng kết, đánh giá.

2. Ngoại thương

- Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá tăng nhanh, cán cân thương mại có xu hướng cân bằng hơn.
- Xuất khẩu: Mặt hàng xuất khẩu đa dạng, tỉ trọng nhóm hàng chế biến tăng. Thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng. Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU,...
- Nhập khẩu: Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị hiện đại để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là các nước có công nghệ nguồn như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ.

2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu ngành du lịch

a) Mục tiêu:

- Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành du lịch ở Việt Nam.
- Phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững

b) Tổ chức thực hiện:

* Bước 1: - GV tổ chức thảo luận cả lớp với chủ đề “*Du lịch nước ta là ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực phát triển nhiều ngành kinh tế và phát triển bền vững*”.

- HS làm việc cá nhân, nêu ý kiến của mình về chủ đề thảo luận.
- HS trình bày ý kiến: đồng tình hoặc phản đối với nhận định của chủ đề thảo luận.
- GV khẳng định: nhận định của chủ đề thảo luận là phù hợp với thực trạng và xu hướng phát triển của ngành du lịch ở nước ta.

* Bước 2:

- GV yêu cầu HS đóng vai hướng dẫn viên du lịch, trình bày về các sản phẩm du lịch đặc trưng của một vùng du lịch.
- HS căn cứ vào thông tin trong bảng 21.3 và hình 21.2, tìm hiểu các điểm du lịch nổi bật và các sản phẩm du lịch đặc trưng của một vùng du lịch.
- Bày HS lên bảng, đóng vai hướng dẫn viên du lịch, trình bày các sản phẩm du lịch đặc trưng của bảy vùng du lịch. Các HS khác bổ sung, góp ý.
- GV đánh giá, tổng kết.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học hoặc rèn luyện kỹ năng.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, lựa chọn một trong các nhiệm vụ sau:
- + Lựa chọn hình thức phù hợp để hệ thống hoá các nội dung của hoạt động ngoại thương.

+ Dựa vào các bảng số liệu trong SGK, vẽ biểu đồ hoặc nhận xét bảng số liệu.

- HS làm việc cá nhân.

- HS trao đổi bài, góp ý cho nhau.

- GV nhận xét, tổng kết.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Liên hệ được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.

- HS thu thập thông tin, tự chọn hình thức trình bày và trình bày trước lớp vào buổi học sau.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1: Xác định Đúng/Sai về hoạt động nội thương của nước ta

Stt	Nhận định	Đúng/Sai
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta tăng nhanh và liên tục	
2	Thương mại trong nước phát triển với đa dạng các loại hình	
3	Mặt hàng xuất khẩu đa dạng, một số nhóm hàng có vị trí cao trên thị trường thế giới	
4	Nội thương sôi động nhất ở những vùng kinh tế phát triển	
5	Phương thức buôn bán hiện đại được mở rộng	
6	Các loại hình thương mại hiện đại: sàn giao dịch, trung tâm đấu giá phát triển	

Câu 2: Điền từ vào chỗ trống, thể hiện sự phát triển ngành ngoại thương của nước ta.

sản phẩm chế biến thâm dụng công nghệ; mặt hàng xuất khẩu; máy móc, thiết bị; cơ cấu hàng hoá xuất khẩu

1. đa dạng, có khả năng thích ứng với nhu cầu và xu thế phát triển trên thế giới.

2.thể hiện xu thế công nghiệp hoá, phù hợp với hướng phát triển chung trên thế giới.

3. Tỷ trọng tăng lên, tác động tích cực tới nền kinh tế: tăng trị giá xuất khẩu, GDP bình quân đầu người, ổn định tăng trưởng kinh tế.

4. Nước ta chủ yếu nhập khẩu máy móc, thiết bị để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm trong nước.

Bài 22: THỰC HÀNH: TÌM HIỂU SỰ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH DỊCH VỤ (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Tìm hiểu thực tế, viết được đoạn văn ngắn giới thiệu, quảng bá về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo của địa phương, nhất là về du lịch.

2. Năng lực

- Tìm hiểu địa lí: Khai thác thông tin trên sách báo, internet để tìm hiểu một hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo tại địa phương.

- Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Vận dụng lí thuyết đã học về sự phát triển và phân bố các hoạt động dịch vụ để giải thích hoạt động và sản phẩm dịch vụ tại địa phương.

3. Phẩm chất

Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động giữ gìn, phát huy các giá trị độc đáo của dịch vụ tại địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Báo cáo tổng kết hàng năm của ngành thương mại và du lịch.

Tranh ảnh, hình vẽ, thông tin trên internet có liên quan đến bài học.

Tài liệu giáo dục địa phương, trang web của các sở, ngành địa phương

Thông tin thu thập từ sách, báo, internet,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) *Mục tiêu:* Gợi mở nội dung bài học mới. khơi gợi hứng thú học tập cho HS.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV yêu cầu HS bằng hiểu biết của mình, nêu những hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo của địa phương.

- HS nêu tên hoạt động hoặc sản phẩm

- GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động thực hành

2.1. *Nội dung 1: Tìm hiểu hoạt động và sản phẩm dịch vụ tại địa phương*

a) *Mục tiêu:* Xác định được hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo tại địa phương.

b) *Tổ chức thực hiện:*

HS tự thực hiện ngoài giờ lên lớp. GV hỗ trợ, góp ý.

- GV giao nhiệm vụ tìm hiểu cho HS từ khi bắt đầu học chủ đề dịch vụ.

- HS làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ, lựa chọn 1 hoạt động hoặc sản phẩm dịch vụ để tìm hiểu. HS khảo sát, phỏng vấn những người liên quan để có hiểu biết thực tế.

- HS trao đổi với nhau và trao đổi với GV trong suốt thời gian tìm hiểu.

- GV tư vấn, hỗ trợ cho HS

2.2. Nội dung 2: Báo cáo hoạt động và sản phẩm dịch vụ tại địa phương

a) Mục tiêu:

HS trình bày được kết quả tìm hiểu của mình hoặc của nhóm

b) Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS báo cáo. Có thể lựa chọn hình thức phòng tranh hoặc hội chợ,... để báo cáo.
- HS trưng bày sản phẩm của mình tại vị trí được giao. Các HS lần lượt đi tham quan sản phẩm của bạn/nhóm bạn khác, vừa ghi chép thông tin vừa đánh giá.
- HS hoàn thiện phiếu đánh giá, cho điểm.
- GV nhận xét, đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BÁO CÁO

Tiêu chí		Đánh giá
Hình thức	Trình bày khoa học, dễ nhìn	
	Có tính thẩm mỹ, đẹp	
	
Nội dung	Thông tin đầy đủ, chính xác	
	Nhiều lí giải sâu sắc	
	
Báo cáo, trả lời câu hỏi	Nói dễ nghe, dễ hiểu	
	

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Rèn luyện kĩ năng

b) Tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS nêu lên một số lưu ý khi tìm hiểu vấn đề địa lí địa phương: điều tra, khảo sát, sưu tầm tư liệu.

HS trình bày. HS thảo luận cả lớp. GV góp ý.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học

b) Tổ chức thực hiện

HS đề xuất một số biện pháp khai thác hiệu quả hơn các hoạt động và sản phẩm dịch vụ tại địa phương. HS tự làm ở nhà, trao đổi với bạn và GV.